

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2016

Số: 29 /NQ-DMC

### NGHỊ QUYẾT

Về việc: **Giao Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cho Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP**

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC);

Căn cứ Nghị quyết số 9173/NQ-DKVN ngày 30/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP";

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty tại công văn số 02/CVNB-TAT ngày 07/01/2016 về việc chấp thuận kế hoạch hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2016 của Tổng DMC và kết quả lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP ngày 07/01/2016,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Giao Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cho Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP với nội dung như các **Phụ lục** đính kèm.

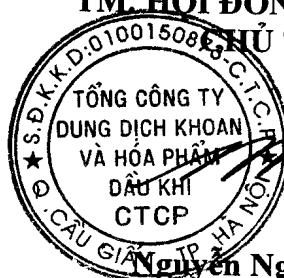
**Điều 2.** Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các Ban/Văn phòng/Chi nhánh và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty DMC tại các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt tại **Điều 1**.

**Điều 3.** Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng/Chi nhánh thuộc Công ty Mẹ - DMC, Chủ tịch/Giám đốc các đơn vị thành viên/trực thuộc và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP tại các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UV HĐQT;
- T.BKS DMC;
- Ban TGD;
- Lưu: KH, TK.HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Khánh



**PHỤ LỤC 1**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ -**  
**CTCP (DMC)**

*(Kèm theo Nghị quyết số : 29 /NQ-DMC ngày 08 tháng 01 năm 2016  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty DMC)*

**I. Nhiệm vụ chủ yếu:**

1. Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch 2016;
2. Tích cực nghiên cứu tìm giải pháp để nâng cao hiệu quả các dự án mới (sản xuất Barite tại Lào), dự án sản xuất Xi măng G tại Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm khai thác tối đa tài sản đã đầu tư;
3. Tìm kiếm đối tác, nghiên cứu và triển khai quyết liệt các dự án đầu tư cho các dịch vụ mới, sản phẩm mới có hiệu quả kinh tế, mang tính chiến lược lâu dài của Tổng công ty DMC;
4. Tập trung hoàn thiện công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng;
5. Thực hiện phương án tái cấu trúc đã được Tập đoàn chấp thuận; Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tạo điều kiện để các đơn vị phát huy được hết các nguồn lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
6. Tích cực cải tiến các công cụ quản lý để điều hành tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; tăng cường công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm, công nợ và quản trị doanh nghiệp. Quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, hiệu quả;
7. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường kết hợp với Viện dầu khí Việt Nam/các đơn vị nghiên cứu khoa học trong việc nghiên cứu và ứng dụng các chế phẩm mới phục vụ cho lĩnh vực tăng cường khai thác, can thiệp/xử lý giếng, nâng cao hệ số thu hồi dầu;
8. Duy trì, cải tiến và hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống quản lý ISO 9000 - ISO 14000 - OHSAS 18000;
9. Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật và Nghị định mới có hiệu lực, văn bản của Tập đoàn và tình hình thực tiễn của đơn vị;
10. Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch.
11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao.



50  
ĐN  
H  
A P  
J K  
T C  
V

## II. Các chỉ tiêu kế hoạch 2016:

### 1. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>60 750</b>
1	Barite	Tấn	37 000
2	Bentonite	Tấn	8 400
3	Xi măng G	Tấn	8 000
4	Safe Carb, CaCO <sub>3</sub>	Tấn	3 000
5	Các sản phẩm khác	Tấn	4 350

### 2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,4
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82,7
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	153,5
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Trđ/ng/tháng	343,4

### 3. Kế hoạch Công ty Mẹ:

#### a) Kế hoạch Tài chính:

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	817,4
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500
	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	%	36
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1857,1
	<i>Trong đó - Doanh thu hoạt động SXKD trực tiếp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1 746,5</i>
	<i>- Lợi nhuận, cổ tức từ Công ty con</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>110,6</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	107,4
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	107,4
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,13
7	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	14
8	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1,2

*mu*

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
9	Nộp/Chia Tập đoàn	Tỷ đồng	26,1
	<i>Trong đó: - Cổ tức</i>	Tỷ đồng	25,2
	<i>- Phí quản lý và khác</i>	Tỷ đồng	0,87
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	55,5
	<i>- Thuế</i>	Tỷ đồng	55,5
	<i>- Các khoản nộp khác</i>	Tỷ đồng	0

**b) Kế hoạch vốn đầu tư:**

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
<b>1</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6,3</b>
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	0
b	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	6,3
c	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	0
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6,3</b>
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6,3
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0

**c) Kế hoạch thoái vốn:**

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
a	Thoái vốn tại DMC Miền Bắc	Tỷ đồng	13,33
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>13,33</b>

Tỷ giá kế hoạch năm 2016 là 22.500 đồng/1USD

**PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH TỔNG DOANH THU, LỢI NHUẬN, NỢP NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC NĂM 2016 CỦA DMC**

*(Kèm theo Nghị quyết số : 29/NQ-DMC ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty DMC)*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng tài sản, VCSH, tổng DT, LN toàn Tổng công ty (Hợp nhất)</b>			
3	Tổng doanh thu	Tỷ đ	3 000.0	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	103.4	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	82.7	
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đ	153.5	
7	Năng suất lao động bình quân (theo doanh thu) ( Tính theo DT hợp nhất)	Trđ/ng/th	343.4	
<b>I</b>	<b>Hoạt động SXKD trực tiếp của Công ty Mẹ</b>			
1	Doanh thu	Tỷ đ	1746.49	
2	Chi phí	Tỷ đ	1746.14	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	0.35	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	0.35	
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đ	55.5	
<b>II</b>	<b>Hoạt động của các công ty thành viên</b>			
<b>1</b>	<b>Cty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Bắc (DMC MB)</b>			
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	42.9	
	- Vốn điều lệ	Tỷ đ	39.2	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51.0	
	- Doanh thu	Tỷ đ	224.7	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	3	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	2.4	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đ	1.4	LN năm 2015, chia cổ tức về Cty mẹ năm 2016
<b>2</b>	<b>Cty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung (DMC MT)</b>			
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	10.2	
	- Vốn điều lệ	Tỷ đ	10.0	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51.0	
	- Doanh thu	Tỷ đ	197.0	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	.0	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	.0	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đ		
<b>3</b>	<b>Cty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (DMC MN)</b>			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	Ghi chú
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	31.9	
	- Vốn điều lệ	Tỷ đ	40.0	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51.0	
	- Doanh thu	Tỷ đ	349.0	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	.0	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	.0	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đ	.0	
<b>4</b>	<b>Công ty TNHH 2 TV MI - VN</b>			
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	337.8	
	- Vốn điều lệ	USD	5 939 000	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51.0	
	- Doanh thu	Tỷ đ	900.0	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	100.0	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	80.0	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đ	89.2	LN năm 2015, chia cổ tức về Cty mẹ năm 2016
<b>5</b>	<b>Công ty DMC VTS (tại CHDCND Lào)</b>			
	- Vốn chủ sở hữu	USD	2 334 267	
	- Vốn điều lệ	USD	2 043 600	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	30.0	
	- Doanh thu	Tỷ đ	65.4	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	8.2	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	6.5	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đ		
<b>B</b>	<b>Công ty Mẹ - Tổng công ty</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	Tỷ đ	1 798.3	
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	Tỷ đ	817.4	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	Tỷ đ	500.0	
	- Tỷ lệ tham gia của TD	%	36.0	
<b>3</b>	<b>Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu</b>	lần	1.2	
<b>4</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đ	1 857.1	
4.1	D/thu trực tiếp của Công ty Mẹ	Tỷ đ	1 746.5	
4.2	D/thu từ các công ty thành viên	Tỷ đ	110.6	
	- Từ công ty TNHH/CN	Tỷ đ	109.2	
	- Từ các Cty CP có vốn góp của Cty mẹ và Cty mẹ có quyền chi phối	Tỷ đ	1.4	
	- Từ các Cty LDLK, Cty CP có vốn góp của Cty mẹ và Cty mẹ không có quyền chi phối	Tỷ đ	0.0	
<b>5</b>	<b>Tổng chi phí</b>	Tỷ đ	1 749.7	
<b>6</b>	<b>Lãi (lỗ)</b>	Tỷ đ	107.4	
<b>7</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	Tỷ đ		

mu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	Ghi chú
7.1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	107.4	
7.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đ	0.0	
7.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	107.4	
7.4	Trích lập các quỹ	Tỷ đ	50.8	
7.5	Nộp Tập đoàn	Tỷ đ	26.1	
	- Cổ tức/lợi nhuận	Tỷ đ	25.2	
	- Phí quản lý	Tỷ đ	0.87	
7.6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14.0	

*Ghi chú:* \* Tổng doanh thu toàn Tổng công ty = 100% doanh thu Công ty Mẹ trực tiếp + 100% Doanh thu các Công ty con do Công ty Mẹ có quyền chi phối + cổ tức / lợi tức được chia từ các công ty Liên doanh liên kết ( Không tính DT nội bộ)

\*\* Doanh thu công ty mẹ = 100% doanh thu Công ty Mẹ trực tiếp + cổ tức / lợi tức được chia theo tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ tại các công ty con + Cổ tức / lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết

Đ  
C  
D  
K  
P

**PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN, MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2016 CỦA DMC**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-DMC ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty DMC)

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2016				Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư/ Dự toán			Tổng số	Trong đó				
									Vốn NS NN	Vốn CSH	Vốn vay + khác		Vốn NS NN	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)</b>				Tỷ đồng	<b>80.10</b>			<b>80.10</b>		<b>34.76</b>	<b>45.34</b>	<b>6.33</b>		<b>6.33</b>		
	Ngoại tệ				Tr. USD												
	Nội tệ				Tỷ đồng	80.10			80.10		34.76	45.34	6.33		6.33		
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM A</b>				Tr. USD												
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp (Không có)</b>				Tỷ đồng												
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới (Không có)</b>				Tỷ đồng												
<b>III</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>				Tỷ đồng												
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM B</b>				Tỷ đồng												
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>				Tr. USD												
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>				Tỷ đồng												
<b>III</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>				Tỷ đồng												
<b>C</b>	<b>DỰ ÁN NHÓM C</b>				Tỷ đồng				71.06		25.72	45.34					
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>				Tr. USD												
<b>I</b>	<b>Dự án mua sắm thiết bị xử lý chất rắn Centrifuge</b>	Vũng Tàu			Tỷ đồng				27.06		8.12	18.94					
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới (không có)</b>				Tỷ đồng	809/QĐ-DMC	21/4/2015	TGD TCT	27.06		8.12	18.94					Dự án được phê duyệt vào năm 2015. Đang tạm dừng triển khai.

TỔNG CÔNG TY DMC  
VĂN PHÒNG QUẢN LÝ DỰ ÁN



STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế thành	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2016				Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư/ Dự toán			Tổng số	Trong đó				
									Tổng số	Vốn NS NN	Vốn CSH		Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
III	Dự án chuẩn bị đầu tư								44.00		17.60	26.40					
1	Dự án đầu tư cần cơ dịch vụ hóa chất	Hà Tĩnh	15000 tấn	2016	Tỷ đồng												Ghi danh mục dự án, Tập đoàn xem xét phê duyệt giá trị thực hiện đầu tư khi đơn vị có phương án Lập dự án đầu tư trình Tập đoàn.
2	Dự án Phân xưởng cung cấp hóa chất khai thác Dầu khí	Vũng Tàu	khoảng 2 triệu lít/năm	2014-2016	Tỷ đồng				16.10		6.44	9.66					Dự án được phê duyệt trong KH đầu tư năm 2015. Dự án đang tạm dừng triển khai.
3	Dự án mua sắm thiết bị xử lý Parafin	Vũng Tàu	15 giêng/năm	2014-2016	Tỷ đồng				27.90		11.16	16.74					Dự án được phê duyệt trong KH đầu tư năm 2015. Dự án đang tạm dừng triển khai.
D	MUA SẮM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH				Tỷ đồng				9.04		9.04		6.33				Chi tiết tại Phụ lục 3.1
1	Mua sắm TSCĐ phục vụ hoạt động sxkd của TCT và các đơn vị trực thuộc TCT	Tổng Công ty		Hàng năm	Tỷ đồng				9.04		9.04		6.33				
E	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH				Tỷ đồng												
I	Góp vốn vào các công ty con				Tr. USD												
1.1	Góp vốn cho DMC MB				Tỷ đồng												
1.1.1	Góp vốn thực hiện dự án sản xuất thạch anh				Tỷ đồng												
1.1.2	Góp vốn thực hiện dự án sản xuất Bentonite tẩy trắng tại Yên Yên				Tỷ đồng												
1.1.3	Đầu tư Nhà máy chế biến bột đá trắng CaCO3 - giai đoạn 1 với công suất 100.000 tấn/năm				Tỷ đồng												
2	Góp vốn khác				Tỷ đồng												

10

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2016				Chi chủ			
						Số Quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư/ Dự toán			Trong đó			Tổng số		Trong đó		
									Tổng số	Vốn NS NN	Vốn CSH	Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu	Vốn NS NN			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
2.1	Dự án sản xuất CA/EDC/VCM	Miền Nam	khoảng 400.000 tấn/năm	2018-2021	Tỷ đồng														
2.2	Công ty CP triển khai Dự án Nhà máy sản xuất hóa chất xúc tác dầu khí	Miền Trung	20.000 tấn/năm	2016-2020	Tỷ đồng														
2.3	Mua cổ phần của Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường				Tỷ đồng														

Ghi danh mục chi án, Tập đoàn xem xét phê duyệt giá trị thực hiện đầu tư khi đơn vị có phương án Lập dự án đầu tư trình Tập đoàn.

*pu*

**PHỤ LỤC 3.1: KẾ HOẠCH MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2016  
CỦA CÔNG TY MẸ DMC**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 29 /NQ-DMC ngày 08 tháng 04 năm 2016 của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty DMC)*

STT	Tên dự án	Kế hoạch năm 2016				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Vốn NS NN	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
	<b>Tổng</b>	<b>6.33</b>	<b>0.00</b>	<b>6.33</b>	<b>0.00</b>	
<b>1</b>	<b>Đầu tư cho chi nhánh DMC WS</b>	<b>3.50</b>		<b>3.50</b>		
	Mua sắm thiết bị thí nghiệm dung dịch khoan	3.50		3.50		
<b>2</b>	<b>Đầu tư cho trung tâm DMC RT</b>	<b>1.98</b>		<b>1.98</b>		
	Mua sắm thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu, thử nghiệm	1.98		1.98		
<b>3</b>	<b>Đầu tư cho Chi nhánh DMC tại HCM</b>	<b>0.50</b>		<b>0.50</b>		
<b>4</b>	<b>Đầu tư cho Tổng Công ty</b>	<b>0.35</b>		<b>0.35</b>		
	Mua sắm TSCĐ phục vụ hoạt động của VP TCT	0.35		0.35		

*pm*

70 / 3 KH HÀ S / TP

**PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH THOÁI VỐN TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN NĂM 2016**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY DMC**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 24/NQ-DMC ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty DMC)*

STT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			
				Vốn NS NN	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
	Thoái vốn tại các công ty		13.13	-	13.13	-	
1	Thoái vốn tại DMC Miền Bắc		13.13		13.13		

/

**PHỤ LỤC 5: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016 THEO QUÝ CỦA DMC**

(Kèm theo Nghị quyết số: 03/NQ-DMC ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty DMC)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	2	3	4=5+6...+8	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>						
1	Barite	Tấn	60 750	12 150	15 188	15 188	18 225	
2	Bentonite	Tấn	37 000	7 400	9 250	9 250	11 100	
3	Xi măng G	Tấn	8 400	1 680	2 100	2 100	2 520	
4	Xi măng G	Tấn	8 000	1 600	2 000	2 000	2 400	
4	Safcab, CaCO3	Tấn	3 000	600	750	750	900	
5	Sản phẩm khác	Tấn	4 350	870	1 088	1 088	1 305	
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>							
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1 798.3	1 804.9	1 854.5	1 854.7	1 798.3	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	817.4	820.4	842.9	843.1	817.4	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	
	- Tỷ lệ tham gia của TĐ	%	36.0	36.0	36.0	36.0	36.0	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1 857.1	369.3	527.2	436.6	523.9	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	107.4	16.5	90.7	0.1	0.1	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	107.4	16.5	90.7	0.1	0.1	
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	55.5	11.1	13.9	13.9	16.7	
7	Trích lập các quỹ	Tỷ đồng	50.8		50.8			
8	Nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	26.1				26.1	
	- Cổ tức/lợi nhuận	Tỷ đồng	25.2				25.2	
	- Phí quản lý	Tỷ đồng	0.87				0.87	
9	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	14.0				14.0	
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu đầu tư</b>							
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đ	6.3	.0	1.3	1.9	3.2	
	Gồm: - Đầu tư XDCB và MSTTB	Tỷ đ	6.3	.0	1.3	1.9	3.2	
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đ	.0					
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đ	6.3	.0	1.3	1.9	3.2	
	Trong đó: - Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	6.3	.0	1.3	1.9	3.2	
	- Vốn vay khác	Tỷ đ	.0	.0	.0	.0	.0	
<b>IV</b>	<b>Các chỉ tiêu khác:</b>							
1	Lao động công ty Mẹ							
	- Lao động cuối kỳ	Người	283.0	283.0	283.0	283.0	283.0	Trong đó nhân lực DMC - WS là 58 người
	- LDBQ trong kỳ	-	283.0	283.0	283.0	283.0	283.0	
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	16.4	17.0	16.0	16.0	16.5	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó				
				Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
1	2	3	4=5+6...+8	5	6	7	8	9
	- Năng suất LDBQ (Tính theo DT Cty mẹ)	Trđ/ng/th	546.8	435.0	621.0	514.3	617.1	
2	Kế hoạch đào tạo		436.0	70.0	167.0	161.0	38.0	
3	Kinh phí đào tạo		1.5	0.1	0.6	0.4	0.4	
4	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	3.0	3.0	3.0	1.0	1.0	
5	Kinh phí nghiên cứu	Tỷ đ	3.1	0.7	1.4	0.0	1.0	

W

12